

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2020
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tổ – Ông Ngô Trọng Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020 ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐ-HPT ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh ngày 23/9/1990

Trú tại: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy M - sinh ngày 23/10/1994

Trú tại: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng (Vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy M cưới nhau vào tháng 10/2012, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Trước khi cưới chị, anh đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46 ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh M không chịu khó làm ăn, thiếu quan tâm đến vợ con, không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, thường giao du với bạn bè xấu, có nhiều việc làm khuất tất làm ảnh hưởng đến hôn nhân, ngoài ra anh M còn có biểu hiện không

chung thủy. Mâu thuẫn xảy ra liên tục, ngày càng sâu sắc, trầm trọng nên vợ chồng đã có những lời nói, xử sự không đúng mực đối với nhau, dẫn đến vợ chồng mất hết tình cảm hôn nhân đổ vỡ. Không sống được với nhau chị T về bên ngoại vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt các quan hệ từ cuối tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân giữa chị T, anh M không hề liên lạc với nhau để níu kéo hôn nhân, gia đình hai bên cũng không có động thái gì để hòa giải vun vén cho vợ chồng để mặc hậu quả xảy ra. Chị T xác định không còn tình cảm đối với anh M nữa, hôn nhân giữa chị và anh M đã thực sự đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị anh Nguyễn Duy M.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Linh Đ (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/3/2013 và cháu Nguyễn Duy K (Giới tính: nam), sinh ngày 26/10/2017. Từ ngày vợ chồng sống ly thân cháu Nguyễn Thị Linh Đ đang được anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Duy K đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Duy K cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Linh Đ cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vì cháu có nguyện vọng được sinh sống với bố và bên nội. Do mỗi bên nuôi mỗi cháu nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy M, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh M có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của chị để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị T và anh M cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Duy M, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh M không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt, bị đơn anh Nguyễn Duy M vắng mặt không có lý do, Hội

đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Duy M.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy M đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa chị T, anh M là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi tiến tới hôn nhân anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46 ngày 15/10/2012, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy M là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy M tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung anh M không có ý thực xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị T, đã giao du với bạn bà xấu đã làm mất niềm tin đối chị T trong lĩnh vực tình cảm, thiếu trách nhiệm đối với gia đình. Sau khi vợ chồng sống ly thân, các bên không có ý níu kéo hôn nhân để mặc hậu quả xảy ra, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh M đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy M là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Duy M.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được mỗi người nuôi mỗi cháu, anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Linh Đ(Giới tính: nữ), sinh ngày 28/3/2013, chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy K(Giới tính: nam), sinh ngày 26/10/2017. Con chung của vợ chồng được hai bên nuôi dạy tốt con chung phát triển tốt về mọi mặt, nay chị T đề nghị giao thứ hai cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu đầu cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội phù hợp với nguyện vọng của con chung đã trên 7 tuổi.

Do mỗi bên nuôi mỗi cháu nên các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy M.

2. Về quan hệ con chung: - Giao con chung cháu Nguyễn Duy K (Giới tính: nam), sinh ngày 26/10/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

- Giao con chung cháu Nguyễn Thị Linh Đ (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/3/2013 cho anh Nguyễn Duy M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Duy M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, năn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0000433 ngày 25/5/2020, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T (Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc